

Bản án số: 09/2024/HS-PT
Ngày 20 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tân

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân
Bà Nguyễn Thị Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Trúc Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 142/2023/TLPT-HS ngày 07 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo Trần Thị N và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 169/2023/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo thứ nhất. Họ tên: Trần Thị N, Giới tính: Nữ, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1968, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Số nhà 144, khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Trần Văn N2 (đã chết) và bà Lê Thị N3 (đã chết); Chồng: Ngô Văn N4, sinh năm 1968; Con: 06 người, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1997, Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

- Bản án số 134/2015/HSST ngày 04/8/2015, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 03 (ba) tháng tù hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong bản án.

- Ngày 04/4/2019, Công an thành phố thành phố Cà Mau xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023 (có mặt)

2. Bị cáo thứ hai. Họ tên: Trịnh Văn T, Giới tính: Nam, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1960, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp 13, xã T1, huyện T2, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Trịnh Văn T3 (Đã chết) và bà Trần Thị T4, sinh năm 1938; Vợ: Hồ Thị T5, sinh năm 1963; Con: 04 người; lớn nhất sinh năm 1982; nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án hình sự số 08/2000/HSST ngày 25 tháng 02 năm 2000 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt 07 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong bản án. Phần án phí không được Cơ quan Thi hành án dân sự không thụ lý để thi hành.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023 đến nay(có mặt).

3. Bị cáo thứ ba. Họ tên: Nguyễn Thanh D, Giới tính: Nam, sinh ngày 06 tháng 9 năm 1972 tại: Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 4, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Tấn D1 (Đã chết) và bà Trịnh Thị D2 (Đã chết); Vợ: Trương Thị D3, sinh năm 1977; Con: 02 người; Lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 82/QĐ-XPHC ngày 28/02/2011 của Phòng CSĐTTP về TTXH Công an tỉnh Cà Mau xử phạt 2.000.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định;

+ Tại Bản án hình sự số 50/2014/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2014, của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xử phạt 10.000.000đ về tội “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong bản án vào ngày 07 tháng 8 năm 2015.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 181/QĐ-XPHC ngày 13/11/2017, Công an huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 16 tháng 11 năm 2017;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 66/QĐ-XPVPHC ngày 29/11/2018 của Phòng CSĐTTP về TTXH Công an tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 29/11/2018;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(có mặt).

4. Bị cáo thứ tư. Họ tên: Ngô Văn H, Giới tính: Nam, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1986, tại: Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp 3, xã H1, huyện H2, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Ngô Văn H3, sinh năm 1968 và bà Trần Thị H4, sinh

năm 1968 (bị cáo cùng trong vụ án); Vợ: Cao Kim H5, sinh năm 1975; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 167/QĐ-XPVPHC ngày 26/3/2020 của Công an thành phố Cà Mau xử phạt số tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 30/3/2020.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(có mặt).

5. Bị cáo thứ năm. Họ tên: Ngô Kim Q, Giới tính: Nữ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1993, tại: Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; con ông Ngô Văn Q1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Q2, sinh năm 1968 (bị cáo trong vụ án); chồng Dương Đại Q3, sinh năm 1990; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 04/02/2021 tại Quyết định số 570/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “dùng nhà, chỗ ở của mình để chứa bạc” chưa thi hành quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023 đến nay(có mặt).

6. Bị cáo thứ sáu. Họ tên: Trương Thị M, Giới tính: Nữ, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1982, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Bán vé số; Con ông Trương Minh M2, sinh năm 1951 và bà Ngô Thị M3, sinh năm 1952; Chồng Phạm Minh M4, sinh năm 1975; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 lần. Tại Bản án hình sự số 73/2014/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xử phạt số tiền 12.000.000đ. Bị cáo chưa chấp hành bản án.

Về nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 45/QĐ-XPVPHC ngày 26 tháng 3 năm 2019 của Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(có mặt).

7. Bị cáo thứ bảy. Họ tên: Thái Thị Đ, Giới tính: Nữ, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1958, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Thái Văn Đ1 và bà Đỗ Thị Đ2 (Đã chết); Chồng Võ Văn Đ3, sinh năm 1956; Con: 08 người, lớn nhất sinh năm 1975, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023 đến nay(có mặt).

8. Bị cáo thứ tám. Họ tên: Nguyễn Thị E, Giới tính: Nữ, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1965, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà

Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Nguyễn Văn E1 (Đã chết); và bà Trần Thị E2 (Đã chết); Chồng Phạm Văn E3, sinh năm 1965; Con: 01 người, sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(có mặt)

9. Bị cáo thứ chín. Họ tên: Lê Thị F, Giới tính: Nữ, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1967, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 10, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Lê Tấn F1 (Đã chết) và bà Nguyễn Thị F2 (Đã chết); chồng: Nguyễn Hoàng F3, sinh năm 1968; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023 đến nay (có mặt).

10. Bị cáo thứ mười. Họ tên: Ngô Văn P, Giới tính: Nam, sinh ngày 02 tháng 08 năm 1962, tại Cà Mau; Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Ngô Văn P1 (Đã chết) và bà La Thị P2 (Đã chết); Vợ: Đỗ Thị P3, sinh năm 1961; Con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 239/QĐ-XPVPHC ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 08 tháng 9 năm 2017.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 167/QĐ-XPVPHC ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Phòng CSQLHC về TTXH Công an tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định vào ngày 30 tháng 12 năm 2019.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(có mặt).

Các bị cáo không có kháng cáo:

1. Bị cáo thứ nhất. Họ tên: Trần Văn G, Giới tính: Nam, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1956, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Ấp G1, xã G2, thị xã G3, tỉnh Bạc Liêu; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Văn G4 (đã chết) và bà Lê Thị G5 (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị G6, sinh năm 1958; Con: 06 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(vắng mặt).

2. Bị cáo thứ hai. Họ tên: Trương Bích Z, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1979, tại Cà Mau Giới tính: Nữ; Nơi thường trú: Khóm 1, thị trấn Z1, huyện Z2, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện tại: Khóm 7, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề

nghiep: Làm thuê; con ông Trương Văn Z3(Đã chết) và Lê Hồng Z4, sinh năm 1952; Chung sống như vợ chồng với Lưu Văn Z5, sinh năm 1978; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1997; nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Về nhân thân:

+ Tại Bản án số 71/HSST ngày 24/5/2011 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, chấp hành hình phạt tù tại Trại giam An Phước. Chấp hành xong bản án ngày 24/9/2011.

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 120/QĐ-XPHC ngày 05/3/2020 của Công an thành phố Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định;

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1344/QĐ-XPVPHC ngày 26/3/2020 của UBND huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xử phạt 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc trái phép”. Đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 08/5/2023(vắng mặt).

3. Bị cáo thứ ba. Họ tên: Nguyễn Văn X, Giới tính: Nam, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974, tại Cà Mau; Nơi cư trú: Khóm 8, phường 6, thành phố N1, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Văn X1 (Đã chết) và bà Đào Thị X2, sinh năm 1950; Vợ: Lê Hồng X3, sinh năm 1975; Con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 05/6/2023(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 28 tháng 9 năm 2022, Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính Công an tỉnh Cà Mau kết hợp với Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố Cà Mau bắt quả tang tại nhà của bị cáo Trần Văn G, thuộc khóm 8, phường 6, thành phố N1 có nhiều đôi tượng đang đánh bài ăn thua bằng tiền gồm: Trần Thị N, Trương Bích Z, Trịnh Văn T, Nguyễn Văn X, Trương Thị M, Ngô Kim Q, Ngô Văn H, Nguyễn Thanh D, Nguyễn Thị E, Thái Thị Đ, Ngô Văn P, Lê Thị F đang tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền. Tại thời điểm bắt quả tang, có mặt của bà Cao Kim Nhiêu, ông Nguyễn Văn Đông, bà Trần Thị Xuyên, ông Đoàn Văn Kiệt, bà Đỗ Thị Phúc, bà Lê Thị Hóa, bà Lê Thị Thoại, ông Ngô Văn Tứ, bà Huỳnh Tuyết Lệ, bà Đặng Thị Tuyết đang ngồi trên giường nói chuyện.

Lực lượng tạm giữ tại chiếu bạc số tiền Việt Nam 7.650.000đ; 05 (năm) bộ bài tây; 01 (một) chiếc chiếu lác (chiếu đan bằng cây lác) và tạm giữ tài sản trên người gồm:

-Tạm giữ của bị cáo Trần Văn G: Tiền Việt Nam 2.420.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại Đ hiệu Samsung màu đen đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Trần Thị N: 01 (một) điện thoại Đ hiệu Vivo màu xanh, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Ngô Văn P: 01 (một) điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Trương Bích Z: Tiền Việt Nam 800.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thanh D: Tiền Việt Nam 40.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Lê Thị F: Tiền Việt Nam 30.000đ; 01 (một) điện thoại Iphone 6 plus màu hồng, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Thái Thị Đ: Tiền Việt Nam 780.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu ITEL phím bấm màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Trịnh Văn T: Tiền Việt Nam 75.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu Samsung màu đỏ, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Trương Thị M: 01 (một) điện thoại Đ hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Ngô Kim Q: 02 (hai) điện thoại Đ hiệu Vivo màu đen; 01 (một) điện thoại Đ hiệu Redmi màu xanh;

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị E: 02 (hai) điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn X: Tiền Việt Nam 30.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu Vivo màu xanh;

- Tạm giữ của Huỳnh Tuyết Lệ: Tiền Việt Nam 330.000đ; 01 (một) điện thoại Đ hiệu ACE phím bấm màu đỏ đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của Đặng Thị Tuyết: 01 (một) điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của Nguyễn Văn Đồng: Tiền Việt Nam 1.370.000đ; 01 điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm màu đen, đã qua sử dụng;

- Tạm giữ của Đoàn Văn Kiệt 01 (một) điện thoại Đ hiệu Vivo màu xanh.

- Tạm giữ của Đỗ Thị Phúc: 01 (một) điện thoại Đ hiệu Nokia phím bấm màu đen, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra các bị cáo Trần Thị N, Trần Văn G, Trịnh Văn T, Trương Bích Z, Ngô Kim Q, Thái Thị Đ, Lê Thị F, Nguyễn Thanh D, Trương Thị M, Nguyễn Thị E, Ngô Văn H, Ngô Văn P và Nguyễn Văn X đều khai nhận phù hợp với nhau và có căn cứ chứng minh: Khoảng tháng 6 năm 2022, bị cáo Trần Thị N biết có nhiều người xung quanh khu vực nhà bị cáo Trần Văn G có nhu cầu đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào đũa, thua bằng tiền nên bị cáo N nảy sinh ý định tổ chức sòng bài và thu tiền xâu nhằm lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, bị cáo N bàn bạc với bị cáo G, cụ thể bị cáo N dùng căn nhà của bị cáo G dựng trên phần đất mồ mả của gia đình làm địa điểm tổ chức sòng bài, chuẩn bị sẵn chiếu lác

và mua bài Tây 52 lá phục vụ cho các con bạc đến tham gia đánh bạc và bị cáo N thu tiền xâu, mỗi ván bài, người thắng phải trả cho bị cáo N 5.000đ hoặc 10.000đ. Sau mỗi lần tổ chức đánh bạc, bị cáo N đều trích số tiền thu xâu đưa cho bị cáo G từ 100.000đ hoặc 200.000đ để bị cáo G tiêu xài. Do được hưởng lợi nên bị cáo G thống nhất để bị cáo N tổ chức sòng bài tại nhà mình, sòng bài này hoạt động không liên tục, cách nhau khoảng 5 đến 7 ngày thì tổ chức 01 lần.

Vào khoảng trưa ngày 28 tháng 9 năm 2022, có nhiều người đến nhà của bị cáo G chơi nên bị cáo N chuẩn bị 05 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu lác tổ chức đánh bài ăn thua bằng tiền để thu tiền xâu, cụ thể như sau:

Các bị cáo thỏa G đánh bạc bằng hình thức “cào dùa” thắng, thua bằng tiền. Sử dụng bài Tây 52 lá nhưng rút bỏ các quân bài J, Q, K, A, còn lại các quân bài số. Người chơi đặt cược và mỗi người được chia 03 (ba) lá bài, người chơi tính điểm rồi lật bài so điểm với nhau, ai cao điểm nhất sẽ lấy hết toàn bộ tiền người chơi đã đặt cược. Số điểm được tính là số hàng đơn vị của số tổng 03 lá bài, trường hợp tất cả bằng điểm sẽ không tính thắng thua, trường hợp có hai hoặc ba người cùng bằng điểm cao nhất thì sẽ thắng người còn lại và chia số tiền đặt cược các phần bằng nhau cho những người thắng, có 04 người ngồi tụ chính (01 người thủ cái, 03 người ngồi tụ), những người còn lại nếu muốn đặt cược vào tụ nào thì đặt tiền vào tụ rồi ăn thua với tất cả những người cùng chơi (gọi là ké thanh). Đối với 04 tụ chính thì tụ ai cao điểm nhất sẽ lấy hết số tiền cược của 03 tụ còn lại, còn những người tham gia ké thanh nếu thắng (tức ké vào tụ thắng) sẽ thắng được số tiền tương ứng số tiền đặt cược của mình. Khi số tiền cược 04 tụ chính xong thì người thủ cái mới chia bài. Mỗi ván bài các tụ thường có số tiền đặt cược từ 50.000đ đến 200.000đ. Người thủ cái sẽ không cố định, người ngồi tụ có thể thay phiên nhau thủ cái.

Khi đánh bài, vai trò các bị cáo như sau:

Có 04 bị cáo ngồi tụ chính gồm Trịnh Văn T, Nguyễn Văn X, Trương Bích Z là người ngồi tụ chính thường xuyên và một người ngồi tụ chính nữa không thường xuyên và thay đổi nên khi bắt chỉ xác định được 03 người nêu trên, người còn lại không xác định được là ai.

Những người tham gia ké thanh cũng không cố định chỉ xác định được những người ké thanh gồm Ngô Kim Q, Thái Thị Đ, Lê Thị F, Nguyễn Thanh D, Ngô Văn P, Ngô Văn H, Nguyễn Thị E, Trương Thị M, Trần Thị N.

Quá trình điều tra xác định các bị cáo mang theo số tiền đánh bạc và thắng, thua như sau:

- Bị cáo T mang theo số tiền 255.000đ để đánh bạc, đem ra 180.000đ để tại chiếu bạc, còn 75.000đ trên người. Chơi khoảng 15 ván, không rõ thắng thua. Thời điểm công an bắt quả tang đã thua 30.000đ, còn 150.000đ để tại tụ; Quá trình đánh bạc có đưa tiền xâu 10.000đ.

- Bị cáo Trương Bích Z mang theo số tiền 1.000.000đ, đem ra 200.000đ để đánh bạc, còn tiền cá nhân 800.000đ giữ trên người. Tham gia cá cược 03 ván, thua 80.000đ, còn 120.000đ để tại tù;

- Bị cáo Nguyễn Văn X mang theo số tiền 60.000đ để đánh bạc, đem ra 30.000đ để đánh bạc, còn 30.000đ để trên người. Tham gia cá cược 04 ván, thua 20.000đ, còn 10.000đ để tại tù.

- Bị cáo N mang theo số tiền 130.000đ để tham gia đánh bạc, tham gia ké thanh tụ của bị cáo Nguyễn Văn D 02 ván, mỗi ván 10.000đ, kết quả thua 01 ván, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả, còn cầm trên tay 110.000đ cùng tiền xâu 25.000đ vớt xuống chiếu bạc;

- Bị cáo Nguyễn Thanh D mang theo số tiền 60.000đ để đánh bạc, đem ra 20.000đ tham gia ké thanh tụ Nguyễn Văn D 02 ván, mỗi ván 10.000đ, kết quả thua 01 ván, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả. Còn trên người 40.000đ bị tạm giữ;

- Bị cáo Nguyễn Thị E mang theo số tiền 200.000đ để đánh bạc, tham gia ké thanh 02 ván, mỗi ván 20.000đ vào tụ của Nguyễn Văn D, kết quả thua 01 ván, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả. Còn 160.000đ cầm trên tay khi công an đến vớt xuống chiếu bạc.

- Bị cáo Lê Thị F mang theo số tiền 50.000đ để đánh bạc, đem ra 20.000đ tham gia ké thanh 01 ván 20.000đ vào tụ Trương Bích Z, chưa có kết quả. Còn trên người 30.000đ bị tạm giữ;

- Bị cáo Trương Thị M mang theo số tiền 400.000đ, lấy ra 100.000đ tham gia cá cược 5-6 ván, ké thanh mỗi ván từ 30.000đ đến 50.000đ, thua hết 100.000đ, còn 300.000đ để trong túi, khi công an đến vớt tiền xuống chiếu bạc;

- Bị cáo Ngô Kim Q mang theo số tiền 160.000đ để đánh bạc, tham gia ké thanh 04 ván, mỗi ván 20.000đ vào tụ của Trương Bích Z, kết quả thua 03 ván, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả. Còn 80.000đ cầm trên tay khi công an đến vớt xuống chiếu bạc.

- Bị cáo Ngô Văn H mang theo số tiền 60.000đ để đánh bạc, tham gia ké thanh tụ bị cáo Nguyễn Văn D 06 ván, kết quả thua hết 50.000đ, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả.

- Bị cáo Ngô Văn P mang theo số tiền 100.000đ để đánh bạc, tham gia ké thanh tụ Trịnh Văn T 02 ván, mỗi ván 50.000đ, kết quả thua một ván, ván còn lại đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả;

- Bị cáo Thái Thị Đ mang theo số tiền 250.000đ để đánh bạc, tham gia ké thanh 07 ván vào nhiều tụ tại sòng. Ván thứ 7 ké thanh vào tụ của Trương Bích Z, đặt tiền xuống tụ nhưng chưa có kết quả thì bị bắt quả tang. Còn 80.000đ cầm trên tay khi công an đến thì vớt xuống chiếu bạc.

- Khi công an đến bắt quả tang, các bị cáo vớt tiền xuống chiếu bạc. Quá trình điều tra đủ căn cứ xác định số tiền 7.650.000đ thu giữ tại chiếu bạc là tiền đánh bạc và sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Đã trả lại tại sản cá nhân cho các bị cáo. Vật chứng, tài sản còn lại đang tạm giữ và chờ xử lý gồm:

- Đối với số tiền Việt Nam 7.650.000đ thu giữ tại chiếu bạc là số tiền của những người tham gia đánh bạc dùng để đánh bạc đã được nộp vào kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau.

- 05 bộ bài tây và 01 chiếc chiếu lát là công cụ phục vụ cho người chơi đánh bạc đã được nhập kho vật chứng quản lý theo quy định.

- Đối với số tiền dùng vào việc đánh bạc bị tạm giữ của Trịnh Văn T số tiền 75.000đ; Lê Thị F số tiền 30.000đ; Nguyễn Thanh D số tiền 40.000đ; Nguyễn Văn D số tiền 30.000đ đã được nộp vào kho bạc Nhà nước tỉnh Cà Mau quản lý theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 169/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau Quyết định:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị N 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt. Hình phạt chung bị cáo Trần Thị N phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trần Thị N chấp hành án.

2. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 322 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn G phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn G 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trần Văn G chấp hành án.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trịnh Văn T chấp hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Bích Z phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Trương Bích Z 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trương Bích Z chấp hành án

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh X phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh X 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thanh D chấp hành án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s, n khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Trương Thị M phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Trương Thị M 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trương Thị M chấp hành án.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Ngô Kim Q phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Ngô Kim Q 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Kim Q chấp hành án.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Văn H chấp hành án.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn P phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn P 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Văn P chấp hành án.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị E phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị E 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thị E chấp hành án.

11. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Thái Thị Đ phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Thái Thị Đ 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Thái Thị Đ chấp hành án.

12. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị F phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị F 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Lê Thị F chấp hành án.

13. Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nơi bị cáo thường trú, giám sát, giáo dục trong giai đoạn thi hành án.

Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/09/2023 bị cáo Lê Thị F có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm

Ngày 04/10/2023 các bị cáo Trương Thị M, Ngô Kim Q, Nguyễn Thanh D, Trịnh Văn T, Ngô Văn H, Trần Thị N, Ngô Văn P, Thái Thị Đ và Nguyễn Thị E có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nội dung kháng cáo: Xin giảm hình phạt và được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của các bị cáo Trương Thị M, Ngô Kim Q, Nguyễn Thanh D, Trịnh Văn T, Ngô Văn H, Trần Thị N, Ngô Văn P, Thái Thị Đ, Nguyễn Thị E và Lê Thị F, trên cơ sở nội dung vụ án, căn

cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo N cùng với bị cáo G đã dùng nơi ở của bị cáo G tổ chức cho 12 đối tượng đánh bài để thu tiền xâu; Bị cáo N cùng với các bị cáo Trịnh Văn T, Trương Bích Z, Nguyễn Thanh D, Trương Thị M, Nguyễn Thị E, Ngô Văn H, Ngô Văn P, Ngô Kim Q, Thái Thị Đ, Lê Thị F, Nguyễn Văn X có hành vi đánh bài ăn thua bằng tiền, với số tiền các bị cáo dùng để đánh bài thu trên chiếu bạc là 7.650.000đ. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo: Trần Thị N phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 322, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015; Trần Văn G phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự năm 2015; Trịnh Văn T, Trương Bích Z, Nguyễn Thanh D, Trương Thị M, Ngô Kim Q, Ngô Văn H, Nguyễn Thị E,

Thái Thị Đ, Lê Thị F và Nguyễn Văn X phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo thấy rằng: Các bị cáo đã tụ tập đông người để đánh bạc gây mất an ninh trật tự ở địa P, các bị cáo Trần Thị N, Trịnh Văn T và Trương Thị M đã từng bị xử hình sự về tội đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Thanh D, Ngô Văn H, Ngô Văn P và Ngô Kim Q đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, nhưng các bị cáo không sửa chữa vẫn cố tình thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về hành vi đánh bạc. Các bị cáo Nguyễn Thị E, Thái Thị Đ, Lê Thị F không tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tham gia đánh bạc với hình thức ké thanh. Án sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trần Thị N cung cấp tài liệu gia đình có công với cách mạng là tình tiết mới. Tuy nhiên, án sơ thẩm xử phạt: Trần Thị N một năm tù về tội “tội chức đánh bạc” và 06 tháng tù về tội “đánh bạc”; Trịnh Văn T 09 tháng tù về tội “đánh bạc”; Nguyễn Thanh D 06 tháng tù về tội “đánh bạc”; Trương Thị M 07 tháng tù về tội “đánh bạc”; Ngô Kim Q 04 tháng tù về tội “đánh bạc”; Ngô Văn H 06 tháng tù về tội “đánh bạc”; Ngô Văn P 04 tháng tù về tội “đánh bạc”; Nguyễn Thị E 03 tháng tù về tội “đánh bạc”; Thái Thị Đ 03 tháng tù về tội “đánh bạc” và Lê Thị F 03 tháng tù về tội “đánh bạc” là tương xứng Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Do không được Tòa án chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Trương Thị M, Ngô Kim Q, Nguyễn Thanh D, Trịnh Văn T, Ngô Văn H, Trần Thị N, Ngô Văn P, Thái Thị Đ, Nguyễn Thị E và Lê Thị F. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 169/2023/HS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

1. Xử phạt bị cáo Trần Thị N 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Hình phạt chung bị cáo Trần Thị N phải chấp hành là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trần Thị N chấp hành án.

2. Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trịnh Văn T chấp hành án.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thanh D chấp hành án.

4. Xử phạt bị cáo Trương Thị M 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Trương Thị M chấp hành án.

5. Xử phạt bị cáo Ngô Kim Q 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Kim Q chấp hành án.

6. Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Văn H chấp hành án.

7. Xử phạt bị cáo Ngô Văn P 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Ngô Văn P chấp hành án.

8. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị E 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thị E chấp hành án.

9. Xử phạt bị cáo Thái Thị Đ 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Thái Thị Đ chấp hành án.

10. Xử phạt bị cáo Lê Thị F 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo Lê Thị F chấp hành án.

11. Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo Trương Thị M, Ngô Kim Q, Nguyễn Thanh D, Trịnh Văn T, Ngô Văn H, Trần Thị N, Ngô Văn P, Thái Thị Đ, Nguyễn Thị E và Lê Thị F mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả G thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an, Tòa án TP Cà Mau;
- Chi cục THADS TP Cà Mau;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn